TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/11/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Dũng.

Bà Tần Thị Yến.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Hà là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2019/TLST - HNGĐ ngày 05/8/2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXX - ST ngày 28/10/2019 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T - Sinh năm 1990. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Lương Công S - Sinh năm 1991. (Vắng mặt lần thứ hai)

Cùng địa chỉ: Thôn QV, xã QT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/7/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Lương Công S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/11/2011 tại UBND xã QT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không tu trí làm ăn, không quan tâm đến vợ con và gia đình, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng kể từ đầu năm 2018, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân kể từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Công S theo quy định của pháp luật.

Về con cái: Chị và anh Lương Công S có 01 con chung là Lương Thị Ngọc D - Sinh ngày 02/5/2015, kể từ khi vợ chồng sống ly thân, chị là người nuôi dưỡng cháu Lương Thị Ngọc D. Nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Lương Thị Ngọc D cho chị chăm sóc nuôi dưỡng và chị tự nguyện không yêu cầu anh Lương Công S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lương Công S có mặt theo địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện, khi Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án cho anh Lương Công S, thì không gặp được anh S, Tòa án đã giao các loại văn bản tố tụng cho bà Lương Thị T là mẹ đẻ của anh S, theo trình bày của bà Lương Thị T, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo về nội dung các văn bản của Tòa án cho anh S biết, nhưng anh S không về giải quyết và cũng không thông báo địa chỉ cho bà biết là anh S đang ở đâu và làm gì, theo xác nhận của chính quyền địa phương anh S đi làm ở các tỉnh phía bắc vẫn thường xuyên về nhà. Việc chị T khởi kiện ly hôn anh S đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Tòa án xét thấy việc anh Lương Công S vắng mặt thuộc trường hợp bị đơn cố tình lẫn tránh, từ chối khai báo, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện việc tuân theo pháp luật phù hợp với quy định của pháp luật, việc bị đơn vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa là bị đơn tự bỏ đi quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Lương Công S và giao cháu Lương Thị Ngọc D cho chị Thanh nuôi dưỡng chăm sóc, chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T về việc không yêu cầu anh Lương Công S cấp dưỡng nuôi con chung và buộc chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày chị Bùi Thị T và giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Lương Công S và chị Bùi Thị T, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng ly hôn của chị Bùi Thị T thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Công S biết rõ việc chị Bùi Thị T khởi kiện ly hôn, nhưng anh S không trình bày ý kiến về việc chị T xin ly hôn, anh S không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T.

[2]. Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị T và giấy khai sinh của cháu D, xác định chị T và anh S có 01 con chung là Lương Thị Ngọc D - Sinh ngày 02/5/2015. Xét đề nghị xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh S không trình bày ý kiến về việc giao nuôi con, nên không có căn cứ giao con cho anh S, chấp nhận đề nghị của chị T là phù hợp.

[3]. Về tài sản: Chị T không đề nghị Toà án giải quyết và anh S không có ý kiến về tài sản, nên về phần tài sản Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về trình tự thủ tục giải quyết vắng mặt anh Lương Công S Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong đơn khởi kiện chị Bùi Thị T ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện là anh Lương Công S, việc anh S vắng mặt không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa là thuộc trường hợp bị đơn cố tình lẫn tránh vắng mặt và từ chối khai báo, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị T.

* Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Lương Công S.

* Về con chung: Giao cháu Lương Thị Ngọc D - Sinh ngày 02/5/2015 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T về việc không yêu cầu anh Lương Công S cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lương Công S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ngăn cấm.

* Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0006716 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc. Chấp nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T đươc quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lương Công S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện NgọcLặc;
- Các đương sự;
- UBND xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**